

**UBND TỈNH NAM ĐỊNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

**BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
NĂM 2022**

Năm 2022

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Kỳ báo cáo: Năm 2022

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CÔNG TY

1.1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty

a) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2022 là: 862.222 triệu đồng (trong đó: vốn góp của chủ sở hữu: 861.751 triệu đồng; Quỹ Đầu tư phát triển: 303 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 168 triệu đồng).

- Tổng tài sản đến 31/12/2022: 869.278 triệu đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: 168 triệu đồng;

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,0195 %, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,0195 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0193%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0193 đồng lợi nhuận sau thuế.

b) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước:

- Tình hình đầu tư dự án: Năm 2022, đơn vị không thực hiện dự án đầu tư nào.

- Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không

- Tình hình huy động và sử dụng vốn: không

- Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ theo quy định của pháp luật:

Tài sản cố định đến ngày 31/12/2022: 853.511 triệu đồng tăng so với năm 2021 là: 663 triệu đồng cụ thể như sau:

Nguyên giá tài sản cố định tăng gồm: Công ty sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh văn phòng công ty: 475 triệu đồng, nhà ăn văn phòng công ty: 482 triệu đồng, tủ lạnh HITACHI: 40 triệu đồng

Khấu hao TSCĐ trong năm: 334 triệu đồng.

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty đã xây dựng quy chế theo Quyết định số 85B ngày 01/12/2021 về quản lý công nợ.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo là: Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo là 12.397 triệu đồng, tăng so với năm 2021 là 5.546 triệu đồng.

Nợ phải thu của công ty bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 11.773 triệu đồng; Phải thu ngắn hạn khác: 677 triệu đồng; Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: - 54 triệu đồng. Trong đó: khoản nợ phải thu khó đòi là 171 triệu đồng là của UBND thị trấn Ngô Đồng. Công ty là đơn vị thi công làm B sửa chữa các công trình trường học.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 7.056 triệu đồng; tăng so với năm 2021 là 15 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Nợ phải trả của công ty bao gồm: Phải trả cho người bán ngắn hạn: 2.229 triệu đồng, thuế và các khoản phải trả Nhà nước 25 triệu đồng, phải trả người lao động 2.539 triệu đồng, phải trả ngắn hạn khác 2.033 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi: 229 triệu đồng.

Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 2,17 lần, hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,0082 lần cho thấy khoản nợ rất nhỏ so với vốn chủ sở hữu.

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động sản xuất chính đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn mình quản lý. Hoạt động sản xuất phụ là nhận thầu thi công xây lắp, tư vấn thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

- Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện năm 2022 là: 42.155,63 ha bằng 100% so với kế hoạch năm 2022 và bằng 94,73% so với năm 2021; bằng 84,95 so với năm 2020.

- Về doanh thu thực hiện năm 2022 là: 54.556,94 triệu đồng, đạt 112,18% so với kế hoạch năm, tăng so với năm 2021 là 2.603,94 triệu đồng tương ứng tăng 5,01%, giảm so với năm 2020 là: 6.043,09 triệu đồng tương ứng giảm 9,97%.

- Hiệu quả hoạt động:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,0195%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,0195 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0193%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0193 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích:

+ Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích diện tích tưới tiêu (ha) thực hiện trong năm 2022 là: 42.155,63 ha, bằng 100% so với kế hoạch năm 2022, không có ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ không đạt yêu cầu.

+ Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm 2022 là: 48.429 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và giảm 5,32% so với năm 2021.

+ Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm 2021 là: 48.429 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch và bằng 94,68% so với năm 2021.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo:

Doanh nghiệp luôn có khả năng cân đối dòng tiền doanh nghiệp tạo ra với nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và có khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp. Điều này thể hiện ở hệ số thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 2,17 lần; năm 2021 hệ số là 2,32 lần. Như vậy hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt, duy trì ổn định trong những năm tới.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

+ Số phải nộp năm trước chuyển sang: -234 triệu đồng.

+ Số phải nộp phát sinh trong năm: 133 triệu đồng.

+ Số đã nộp trong năm: 143 triệu đồng.

+ Số phải nộp chuyển năm sau: -244 triệu đồng.

- Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định.

+ Năm 2022 công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 và năm 2021: 662 triệu đồng; trong đó trích vào quỹ khen thưởng 610 triệu đồng và quỹ phúc lợi 52 triệu đồng. UBND tỉnh tặng bằng khen và chuyển tiền vào quỹ khen thưởng của công ty là 2,98 triệu đồng.

+ Trong năm công ty sử dụng quỹ khen thưởng để khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy chế bình xét thi đua năm 2022 của công ty với số tiền là 450 triệu đồng.

đ) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:

Trong năm vừa qua, công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện chấp hành đúng chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện kiến nghị của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Thực hiện kết luận số 271/KLTCTL-PCTTr ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục thủy lợi về thanh tra việc chấp hành pháp luật về thủy lợi của Công ty Khai thác CTTL Xuân Thủy. Công ty đã nghiêm túc triển khai và thực hiện các kiến nghị tại kết luận của Tổng cục thủy lợi và đã có báo số 40/BC-TNXT ngày 26 tháng 8

năm 2022 về kết quả thực hiện kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về thủy lợi gửi báo cáo Tổng cục thủy lợi.

e) Giải trình của công ty đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

+ Báo cáo số 19/2023AEA/BCTC ngày 24 tháng 2 năm 2023 của Công ty TNHH kiểm toán Đông Á về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 có ý kiến ngoại trừ về việc công ty chưa thay đổi vốn điều lệ trên giấy phép kinh doanh. Công ty xin giải trình như sau:

Công ty đã trình thay đổi vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2020.

+ Thực hiện kiến nghị tại biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021 ngày 2/12/2022 của liên đoàn kiểm tra Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp. Công ty đã nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản và khắc phục những tồn tại như thực hiện ngay quy định về việc tạm ứng lương cho người lao động và người quản lý công ty, yêu cầu Hợp tác xã xuất hóa đơn cho chi phí giải tỏa bèo rác...

1.2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

Năm 2022 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty còn có những khó khăn chủ yếu do nguyên nhân khách quan: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh diễn ra liên tiếp ... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho diện tích 42.155,63 ha. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích là: 48.429 triệu đồng. Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 2,17 lần đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của nhà nước.

2. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo công tác an sinh xã hội, việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.
- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, công ty đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính ☒ - Mất an toàn về tài chính ☐

Nam Định, ngày 15 tháng 5 năm 2023

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU



**CHỦ TỊCH
DẶNG MẠNH DƯƠNG**

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XNCB NĂM 2022
(Báo hình kèm theo Thông tư số 200/2015 TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Biên số 02..A

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (Triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2022 (Triệu đồng)			Giá trị ngân đến ngày 31/12/2022 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A	Các dự án nhóm A																		
B	Các dự án nhóm B																		
C	Các dự án khác																		
	Tổng cộng																		

NGƯỜI LẬP
Vũ Thị Thu Thương



27 tháng 4 năm 2023

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH NĂM 2022

(Bản hành kèm theo Thông tư số 240/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Diễn lệ Vốn	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Có tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)												
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)
I	Công ty con																
II	Công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính							X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X

00150472

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thu Thương



4 năm 2023

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Năm 2020	Năm 2021	Kế hoạch năm 2022
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	49.625,30	44.499,12	42.155,63	42.155,63	84,95	94,73	100,00
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.787	51.585	48.429	54.244	90,73	105,15	112,01
2. Giá vốn hàng bán	54.870	47.446	44.129	50.322	91,71	106,06	114,03
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.917	4.139	4.300	3.922	79,77	94,76	91,21
4. Doanh thu hoạt động tài chính	796	202	201	272	34,13	134,50	135,16
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.115	4.273	4.300	4.004	78,28	93,70	93,12
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	598	68	201	190	31,75	279,22	94,46
9. Thu nhập khác	17	166	5	42		25,01	830,20
10. Chi phí khác	10	34	5	22		64,15	436,20
11. Lợi nhuận khác	7	132	-	20		14,92	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	605	200	201	210	34,64	104,79	104,26
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	86	28	40	42	48,85	150,04	104,50
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	519	172	161	168	32,29	97,42	104,20

NGƯỜI LẬP



Vũ Thị Thu Thương



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	42.155,63	42.155,63	100,00	94,73
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	48.429	48.429	100,00	94,68
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	48.429	48.429	100,00	94,68

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thu Thương

Giao thu ngày 1 tháng 1 năm 2023



Đặng Mạnh Dương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(233,66)	132,65	143,47	(244,48)
- Thuế GTGT	(232,25)	25,85	63,53	(269,93)
- Thuế TNDN	(1,96)	42,01	24,00	16,05
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất		42,43	42,43	0,00
- Các khoản thuế khác		0,75	0,75	-
- Thuế môn bài	-	3,00	3,00	-
- Thuế TNCN	0,55	18,61	9,76	9,40
2. Các khoản phải nộp khác		-	-	-
- Phí, lệ phí				-
- Các khoản phải nộp khác				-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(233,66)	132,65	143,47	(244,48)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	302,99			302,99
2. Quỹ Khen thưởng	12,69	612,98	449,62	176,05
3. Quỹ phúc lợi	1,32	52,08		53,40
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thu Thương



Đặng Mạnh Dương

Giao Thủy ngày 11 tháng 1 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

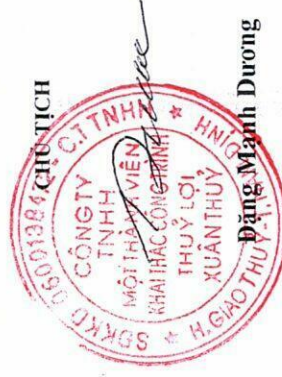
Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại DN				
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại		Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích					
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Nợ quá hạn (tr.đồng g)	Xếp loại	Xếp loại A	A	
48.635	54.557	A	161	168	862.054	862.054	0.0187	0.0195	15.306	7.056	2,17						

Giao Thủy ngày ... tháng ... năm 2023

NGƯỜI LẬP



Vũ Thị Thu Thương



Đặng Mạnh Dương